**Bài tập cơ bản và nâng cao theo chuyên đề**

**Ngữ văn 7**

**MỘT SỐ QUAN HỆ**

**TRONG HỆ THỐNG TỪ VỰNG**

**I - HỆ THỐNG KIẾN THỨC THEO CHUYÊN ĐỂ**

Các từ ngữ trong từ vựng của một ngôn ngữ không tồn tại riêng lẻ, biệt lập với nhau, giữa chúng có những quan hệ nhất định, ví dụ quan hệ trường nghĩa (sẽ được đề cập đến ở lớp 8), quan hệ đồng nghĩa, quan hệ trái nghĩa v.v... làm cho từ vựng của ngôn ngữ không phải là tập hợp các từ ngữ ngẫu nhiên mà là một hệ thống.

Chuyên đề này đề cập đến 3 quan hệ giữa các từ ngữ, đó là : quan hệ đồng nghĩa, quan hệ trái nghĩa và quan hệ đồng âm.

**1. Quan hệ đồng nghĩa**

- Từ đồng nghĩa là những từ có một hoặc một số nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Ví dụ :

Từ *trông* có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa “nhìn để biết”, từ *nhìn* cũng có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa giống (gần giống) với nghĩa đã nêu của từ *trông*. Như vậy, từ *trông* và từ *nhìn* là hai từ đồng nghĩa với nhau.

- Các từ đồng nghĩa với nhau tạo thành nhóm từ đồng nghĩa. Ví dụ : *trông, nhìn, dòm, liếc, ; cho, biếu, tặng ..*. là các nhóm từ đồng nghĩa.

Cũng cần lưu ý là hiện tượng đồng nghĩa còn có thể xảy ra giữa từ với các cụm từ. Ví dụ : *dai* đồng nghĩa với *dai như đỉa*, *dai như chão*...

- Một từ có thể có nhiều nghĩa nên nó có thể tham gia vào nhiều nhóm đồng nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, từ *trông* nêu trên có thể có các nghĩa và tham gia vào các nhóm đồng nghĩa sau :

+ Với nghĩa : “Nhìn để biết”, từ trông đồng nghĩa với: *nhìn, dòm, ngó, liếc ...*

+ Với nghĩa : “Coi sóc, giữ gìn cho yên ổn”, từ trông đồng nghĩa với : *nom, chăm sóc, coi sóc, ...*

+ Với nghĩa : “Mong, đợi”, từ trông đồng nghĩa với : *mong, đợi, mong đợi, trông mong, hi vọng ...*

- Có các từ đồng nghĩa hoàn toàn và đồng nghĩa không hoàn toàn.

+ Từ đồng nghĩa hoàn toàn là những từ đồng nghĩa có nghĩa giống hệt nhau, không khác nhau về sắc thái (chúng thường khác nhau về phạm vi sử dụng), ví dụ : *trái - quả, vừng - mè v.v...*

+ Phần lớn các từ đồng nghĩa là các từ đồng nghĩa không hoàn toàn, chúng khác nhau về sắc thái biểu cảm. Ví dụ : *ăn, xơi, tọng, hốc... ; hi sinh, bỏ mạng...* Khi dùng từ, cần chú ý lựa chọn trong số các từ đồng nghĩa những từ ngữ phản ánh chính xác nhất nội dung cũng như thái độ cần biểu đạt.

- Các từ đồng nghĩa, nếu biết sử dụng đúng chỗ, ngoài tác dụng biểu đạt chính xác nội dung/và thái độ của người viết, còn có tác dụng làm cho cách diễn đạt không bị lặp. Ví dụ : *Tôi sẽ tặng chị một chiếc mũ len đỏ nếu chị* ***đẻ*** *con trai và một chiếc mũ len xanh nếu chị* ***sinh*** *con gái.*

- Lưu ý : Có những từ có thể thay thế cho nhau trong những ngữ cảnh nhất định nhưng không phải là các từ đồng nghĩa với nhau. Ví dụ :

*+* ***Cậu*** *đi đâu đấy ?*

*+* ***Bạn*** *đi đâu đấy ?.*

Bạn và cậu không phải là hai từ đồng nghĩa với nhau nhưng trong trường hợp sử dụng như trên có thể thay thế cho nhau mà vẫn giữ nguyên được nghĩa của câu.

**2. Quan hệ trái nghĩa**

- Dựa vào một ý nghĩa nào đó, ta có thể thu thập được một loạt từ có chung ý nghĩa đó. Chẳng hạn, các từ cùng chỉ “kích thước về khối lượng” : *nhỏ, bé, tí, tí xíu, tí hon, to, lớn, vĩ đại, khổng lồ, đồ sộ v.v...* có thể phân hoá thành hai cực :

***Bé -------------------------- lớn***

*nhỏ, tí, tí xíu, tí hon... to, vĩ đại, khổng lồ, đồ sộ...*

Quan hệ giữa các từ trong một cực là quan hệ đồng nghĩa, còn quan hệ giữa các từ ở hai cực với nhau là quan hệ trái nghĩa.

- Như vậy, các từ trái nghĩa với nhau là những từ có ý nghĩa trái ngược nhau theo một phương diện nghĩa nào đó. Ví dụ :

+ *Dài* và *ngắn* trái nghĩa nhau về chiều dài;

+ *Sâu* và *nông* trái nghĩa nhau về chiều sâu ;

+ *Cao* và *thấp* trái nghĩa nhau về chiều cao ;

+ *Rộng* và *hẹp* trái nghĩa nhau về chiều rộng.

Lưu ý : Các từ có thể chứa các ý nghĩa trái ngược nhau, nhưng nếu không cùng phương diện nghĩa, thì không phải là những từ trái nghĩa với nhau. Ví dụ :

+ *Đường đông* và *đường vắng* (*đông* và *vắng* trái nghĩa nhau ở nét nghĩa : nhiều - ít),

+ *Tóc rậm* và *tóc thưa* (*rậm* và *thưa* trái nghĩa nhau ở nét nghĩa : nhiều - ít).

Như vậy, *rậm* và *vắng* chứa nét nghĩa trái ngược nhau (nhiều - ít) nhưng không phải là các từ trái nghĩa vì chúng thuộc về các phương diện khác nhau,

- Giống như hiện tượng đồng nghĩa, hiện tượng trái nghĩa không xảy ra với tất cả các nghĩa cửa một từ. Do đó, một từ nhiều nghĩa có thể trái nghĩa với nhiều từ khác nhau. Ví dụ : Từ lành có những nghĩa sau :

(1) Nguyên vẹn, không sứt mẻ hư hại: *Áo lành ;*

(2) Hiền, tốt bụng : *Tính lành ;*

(3) Không gây hại: *Thuốc lành ;*

+ Với nghĩa thứ nhất, từ *lành* trái nghĩa với: *rách, mẻ, vỡ ...*

+ Với nghĩa thứ hai, từ *lành* trái nghĩa vói : *dữ*...

+ Với nghĩa thứ ba, từ *lành* trái nghĩa với: *độc* ...

- Hiện tượng trái nghĩa xảy ra nhiều nhất ở các tính từ. Trong các danh từ, động từ, ít xảy ra hiện tượng trái nghĩa. Các danh từ, động từ được coi là trái nghĩa với nhau thường được giải thích thông qua các tính chất đặc trưng của các sự vật, hiện tượng, hoạt động, trạng thái mà các danh từ, động từ đó biểu thị. Ví dụ :

+ *Nâng* và *hạ* trái nghĩa với nhau vì chúng đối lập với nhau về phương hướng “trên - dưới và cao - thấp”

+ *Ngày* và *đêm* được coi là hai từ trái nghĩa khi chúng biểu thị quan hệ “sáng - tối hoặc tích cực - tiêu cực v.v...”

- Các từ trái nghĩa với nhau thường có khả năng kết hợp ngữ pháp giống nhau. Ví dụ :

*+ người* ***cao*** *- người* ***thấp***

*+ trình độ* ***cao*** *- trình độ* ***thấp***

*+ kĩ thuật* ***cao*** *- kĩ thuật* ***thấp***

- Việc sử dụng các từ trái nghĩa đúng chỗ sẽ làm cho cách diễn đạt gây ấn tượng, tạo được cách nói tương phản, có hiệu quả cao. Các từ trái nghĩa thường được sử dụng nhiều trong tục ngữ, thành ngữ, ca dao ...

**3. Từ đồng âm**

- Các từ trong ngôn ngữ, như đã nói ở trên, có mối quan hệ với nhau. Mối quan hệ giữa các từ có thể được xét ở phương diện nghĩa (từ đồng nghĩa, trái nghĩa) nhưng cũng có thể xem xét ở góc độ hình thức âm thanh.

Các mối quan hệ về âm và nghĩa giữa các từ có thể tổng hợp như sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Âm thanh** | **Nghĩa** | **Quan hệ** |
| 1 | một hình thức âm thanh | một nghĩa | ***Từ đơn nghĩa*** |
| 2 | một hình thức âm thanh | nhiều nghĩa | ***Từ nhiều nghĩa*** |
| ***Các từ đồng âm*** |
| 3 | một hình thức âm thanh | một nghĩa | ***Các từ đồng nghĩa*** |
| 4 | một hình thức âm thanh | các nghĩa trái ngược nhau | ***Các từ trái nghĩa*** |

- Các từ đồng âm là các từ có mặt âm thanh giống nhau nhưng khác nhau về ý nghĩa. Các nghĩa của các từ đồng âm khác xa nhau, không có mối liên hệ gì với nhau.

(*Lưu ý* : Hiện tượng nhiều nghĩa xảy ra trong một từ, giữa các nghĩa của từ nhiều nghĩa có mối liên hệ nhất định với nhau theo quan hệ chuyển nghĩa (về hiện tượng nhiều nghĩa - đã đề cập đến ở lớp 6) ; còn hiện tượng đồng âm xảy ra giữa các từ khác nhau nên giữa các nghĩa mà các từ này biểu thị không có mối quan hệ chuyển nghĩa.)

- Trong từ điển, các từ đồng âm được xếp thành các mục từ khác nhau. Ví dụ:

**mai1**: *dt*. Cây trồng làm cảnh, hoa vàng, nở vào đầu xuân : *Hoa mai ; Miền Bắc có đào, miền Nam có mai.*

**mai2** : *dt*. Dụng cụ đào đất, gồm lưỡi sắt nặng, tra cán dài : *Thấy người ta ăn khoai vác mai đi đào.*

**mai3** : *dt*. 1. Ngày tiếp liền sau hôm nay *: Mai, tôi sẽ sang bàn tiếp*. 2. Thời điểm trong tương lai.

Trong khi đó, các từ nhiều nghĩa chỉ có một mục từ với các nghĩa khác nhau. Xem ví dụ **mai3** trên đây (từ có hai nghĩa).

- Hiện tượng đồng âm là kết quả của sự trùng nhau về âm thanh giữa các từ một cách ngẫu nhiên, trong đó rất rõ là hiện tượng vay mượn các từ đồng âm với từ sẵn cỏ trong tiếng Việt. Ví dụ :

*+ la (con la) - la (nốt la)*

*+ đô (đô vật) - đô (nốt đô) v.v...*

- Hiện tượng đồng âm có thể xảy ra giữa từ với từ, giữa từ với tiếng, giữa từ với cụm từ. Ví dụ :

*+ la (la hét) - la (nốt la)*

*+ đô (nốt đô) -đô (đô la)*

*+ đánh chén (Với nghĩa ăn uống) - đánh chén (với nghĩa rửa chén) v.v...*

- Muốn xác định được từ đồng âm phải dựa vào ngữ cảnh.